

KẾ HOẠCH

Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế những tháng cuối năm 2021, năm 2022 và các năm tiếp theo

Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” (viết tắt là Nghị quyết số 128/NQ-CP); Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ (viết tắt là Quyết định số 4800/QĐ-BYT); tỉnh Ninh Bình thuộc cấp độ 1 - Nguy cơ thấp (bình thường mới) tương ứng với màu xanh và tình hình dịch bệnh tại tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế những tháng cuối năm 2021, năm 2022 và các năm tiếp theo, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, đề cao trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu trong phòng, chống dịch, đảm bảo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị gắn với phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở. Quyết tâm thực hiện mục tiêu kép nhưng phải đặt sức khỏe, tính mạng người dân lên trên hết; các giải pháp phòng, chống dịch phải dựa trên cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn và điều kiện của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức; đảm bảo người dân được bảo vệ tốt nhất trước dịch bệnh, được tiếp cận dịch vụ y tế sớm nhất, nhanh nhất, ngay từ cơ sở; đưa đời sống sinh hoạt của người dân trở lại trạng thái bình thường mới; tạo điều kiện khôi phục sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nỗ lực đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các quy định về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 4800/QĐ-BYT. Trong đó, các giải pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 phải được thực hiện nhất quán, thống nhất, đồng bộ, kịp thời, quyết liệt, hiệu quả; đảm bảo hài hòa giữa các giải pháp chuyên môn y tế với các giải pháp hành chính, kinh tế - xã hội. Các giải pháp y tế phải đồng bộ giữa cách ly với xét nghiệm, điều trị, vắc xin, theo phương châm “cách ly, xét nghiệm là then chốt, vắc xin, thuốc điều trị và ý thức trách nhiệm của người dân là điều kiện tiên quyết”.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân căn cứ vào nhiệm vụ được giao chủ động thực hiện quy định, hướng dẫn của Trung ương và nghiêm túc tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19 với mục tiêu bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của người dân lên trên hết, cùng với tập trung tận dụng tốt cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với các giải pháp tổng thể kích thích nền kinh tế, hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp phát triển sản xuất gắn với cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Phát huy tối đa công suất hiện có của các nhà máy; tập trung thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch và có đóng góp lớn cho thu ngân sách; phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, hình thức sản xuất tiên tiến gắn với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; từng bước phát triển vùng kinh tế ven biển. Phát triển toàn diện đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong điều kiện dịch bệnh; chủ động trong phòng chống thiên tai, bão lũ và ứng phó với biến đổi khí hậu. Củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19

- Kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 ở cấp độ 1 - Nguy cơ thấp (*bình thường mới*) tương ứng với màu xanh và các tình huống, cấp độ dịch khác có thể xảy ra.

- Tiêm vắc xin: Đến hết tháng 11/2021, tất cả người dân đang sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh đủ 18 tuổi trở lên và đủ điều kiện về y tế được tiêm đủ 02 mũi vắc xin phòng Covid-19; trên 95% người từ 15 đến 18 tuổi được tiêm đủ 02 mũi vắc xin phòng Covid-19.

- Tiêm vắc xin sớm nhất, nhanh nhất cho trẻ từ 12 đến dưới 15 tuổi theo lộ trình và theo tiến độ cung ứng vắc xin của Bộ Y tế.

2.2. Phục hồi, phát triển kinh tế những tháng cuối năm 2021, năm 2022 và những năm tiếp theo

a) Mục tiêu phục hồi, phát triển kinh tế những tháng cuối năm 2021

- Phân đầu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2021; trong đó, dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP (theo giá SS 2010) năm 2021 đạt trên 5,7%.

- Động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất khôi phục sản xuất, phân đầu hoàn thành cao nhất kế hoạch năm 2021, sản lượng các sản phẩm chủ yếu năm 2021 theo biểu mẫu gửi kèm.

- Phân đầu thu hút khách du lịch những tháng cuối năm 2021 đạt mức độ cao nhất trong điều kiện bình thường mới, đón khoảng 10.000 lượt khách du lịch.

b) Mục tiêu phục hồi, phát triển kinh tế năm 2022 và những năm tiếp theo

- Tập trung phát triển kinh tế gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP (theo giá SS 2010) năm 2022 đạt 7,0%; nỗ lực hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

- Phát huy tối đa công suất hiện có của các nhà máy gắn với thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường và đóng góp ngân sách lớn; sản lượng các sản phẩm chủ yếu của năm 2022 và những năm tiếp theo chi tiết tại biểu mẫu gửi kèm. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp; cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Phấn đấu năm 2022, du lịch tỉnh Ninh Bình đón 2,5 triệu lượt khách, doanh thu ước đạt 1.765 tỷ đồng. Đến năm 2025, đón 7,2 triệu lượt khách; doanh thu du lịch đạt 7.250 tỷ đồng trở lên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19

1.1. Phân loại, đánh giá, xác định cấp độ dịch

a) Phân loại cấp độ dịch theo 4 cấp độ sau:

Cấp 1: Nguy cơ thấp (bình thường mới) tương ứng với màu xanh.

Cấp 2: Nguy cơ trung bình tương ứng với màu vàng.

Cấp 3: Nguy cơ cao tương ứng với màu cam.

Cấp 4: Nguy cơ rất cao tương ứng với màu đỏ.

b) Phạm vi và thời gian đánh giá cấp độ dịch

Đình kỳ thứ 5 hàng tuần, Sở Y tế chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố đánh giá, báo cáo UBND tỉnh công bố cấp độ dịch theo quy mô cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để các đơn vị, địa phương có cơ sở áp dụng các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 phù hợp. UBND các huyện, thành phố đánh giá cấp độ dịch ở phạm vi quy mô nhỏ hơn (thôn, tổ, phố) để áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, sát với thực tế.

Trong trường hợp nâng cấp độ dịch thì phải thông báo trước tối thiểu 48 giờ cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp biết, có sự chuẩn bị trước khi áp dụng (trừ trường hợp cấp bách).

c) Tiêu chí đánh giá cấp độ dịch, gồm 02 tiêu chí:

Tiêu chí 1: Số ca mắc mới tại cộng đồng/100.000 người/tuần

- Cách tính: Số ca mắc mới tại cộng đồng/100.000 người/1 tuần = [(Số ca mắc mới trong vòng 14 ngày)/(2 x Dân số trên địa bàn)] x 100.000

Ca mắc mới tại cộng đồng không bao gồm ca nhập cảnh, ca mắc trong cơ sở cách ly y tế tập trung, khu vực phong tỏa.

- Phân mức độ: được phân theo 04 mức độ từ thấp đến cao theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế thế giới (mức 1: $0 < 20$; mức 2: $20 < 50$; mức 3: $50 < 150$; mức 4: $150 \geq 150$).

Tiêu chí 2: Đảm bảo khả năng thu dung, điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; trong đó yêu cầu:

- UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thiết lập Bệnh viện dã chiến và Bệnh viện điều trị Covid-19 sẵn sàng đáp ứng tình hình dịch lên đến 3.000 ca mắc và sẵn sàng điều trị với quy mô 1.000 ca mắc.

- Các huyện, thành phố có kế hoạch thiết lập trạm y tế lưu động, tổ chăm sóc người nhiễm Covid-19 tại cộng đồng và có kế hoạch cung cấp ô xy y tế cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn để đáp ứng khi có dịch xảy ra theo kế hoạch thiết lập trạm y tế lưu động theo Quyết định số 4042/QĐ-BYT ngày 21/8/2021 của Bộ Y tế và tổ chăm sóc người nhiễm Covid-19 tại cộng đồng theo Quyết định số 4349/QĐ-BYT ngày 10/9/2021 của Bộ Y tế.

c) *Đánh giá và xác định cấp độ dịch theo Bảng sau:*

Hiện nay, tỷ lệ tiêm chủng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đạt tỷ lệ trên 90% người từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin phòng Covid-19. Do vậy để đảm bảo an toàn và quản lý các đối tượng nguy cơ, đề nghị đánh giá cấp độ dịch như sau:

Số mắc mới tại cộng đồng /100.000 người /1 tuần	0- ≤ 20	>20 - 50	>50 - <150	≥ 150
	Cấp độ dịch			
Cấp độ	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4

* *Xác định cấp độ dịch*

Cấp độ dịch tỉnh Ninh Bình: Cấp độ 1 (thời điểm ngày 15/11/2021).

* *Điều chỉnh cấp độ dịch*

Trường hợp không đạt tiêu chí 2 thì không được giảm cấp độ dịch.

1.2. Các biện pháp đảm bảo phòng, chống dịch Covid-19

1.2.1. Chuẩn bị năng lực ứng phó với dịch Covid-19

- Xây dựng kịch bản và phương án bảo đảm công tác y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 theo từng cấp độ dịch; tổ chức triển khai khi có dịch xảy ra trên địa bàn.

- Tăng cường tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực truy vết, xét nghiệm, cách ly y tế và điều trị trên địa bàn.

- Tăng cường khả năng thu dung, điều trị và chăm sóc người mắc Covid-19, bao gồm:

+ Xây dựng kế hoạch thu dung, chăm sóc, điều trị người mắc Covid-19 (F0), đảm bảo số giường hồi sức cấp cứu (ICU) tại các cơ sở khám chữa bệnh thuộc tuyến tỉnh, tuyến huyện sẵn sàng đáp ứng tình hình dịch ở cấp độ 3, cấp độ 4.

+ Có kế hoạch bảo đảm hệ thống cung cấp ô xy hóa lỏng, khí cho các cơ sở khám chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên; các trạm y tế xã, phường, thị trấn bảo đảm cung cấp ô xy y tế. Thiết lập trạm y tế lưu động tại khu, cụm công nghiệp (*kết hợp với bộ phận y tế tại cơ sở sản xuất kinh doanh*), tổ chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại cộng đồng.

+ Xây dựng phương án các cơ sở khám, chữa bệnh vừa điều trị bệnh nhân thông thường vừa điều trị COVID-19. Bảo đảm tổ chức phân luồng, sàng lọc các trường hợp nghi nhiễm đến cơ sở khám, chữa bệnh để phát hiện ca bệnh, quản lý chặt chẽ, tránh lây chéo.

- Xây dựng phương án thành lập các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn các huyện, thành phố đảm bảo đáp ứng khi dịch ở cấp độ 3, cấp độ 4.

1.2.2. Xét nghiệm

a) Việc xét nghiệm được thực hiện theo địa bàn nguy cơ và nhóm nguy cơ.

- Xét nghiệm các trường hợp có một trong các biểu hiện triệu chứng sốt, ho, mệt mỏi, đau họng, mất vị giác và khứu giác, khó thở...

- Xét nghiệm tầm soát ngẫu nhiên, định kỳ do cơ quan y tế thực hiện tại các khu vực có nguy cơ cao, tập trung đông người như cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, chợ đầu mối, bến xe, siêu thị...; đối với các nhóm nguy cơ (các trường hợp di chuyển nhiều nơi, tiếp xúc nhiều người...) như lái xe, người chạy xe mô tô chở khách (xe ôm), người giao hàng hóa (shipper)...

- Tại cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở kinh doanh dịch vụ, trung tâm thương mại, siêu thị, cơ quan, công sở: tự tổ chức xét nghiệm SARS-CoV-2 ngẫu nhiên cho người có nguy cơ lây nhiễm Covid-19 cao.

- Thực hiện xét nghiệm đối với người trong diện phải cách ly hoặc nghi ngờ mắc bệnh Covid-19.

- Một số trường hợp đặc biệt thực hiện xét nghiệm theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 tỉnh.

b) Việc thực hiện xét nghiệm để xử lý ổ dịch: tùy thuộc vào các yếu tố nguy cơ, tình hình dịch bệnh và mức độ của ổ dịch Sở Y tế sẽ có hướng dẫn phù hợp.

c) Không chỉ định xét nghiệm đối với việc đi lại của người dân.

1.2.3. Cách ly y tế

- Đối với người đến từ vùng dịch cấp độ 4 hoặc vùng cách ly y tế, người tiếp xúc gần với người mắc Covid-19 (F1), người về từ vùng có yếu tố dịch tễ phức tạp (*được cập nhật trên Website: soyte.ninhbinh.gov.vn*): thực hiện cách ly y tế tập trung theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Y tế và của UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19, theo quy định tại Công văn số 246/BCĐ-VP6 ngày 22/10/2021 (*tùy theo tình hình dịch bệnh và sự chỉ đạo của UBND tỉnh, BCĐ phòng chống Covid-19 tỉnh sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể khi có sự thay đổi*).

- Đối với các trường hợp tiếp xúc gần với các trường hợp này (F1) từ ngày trở về Ninh Bình được coi như tiếp xúc vòng 2 (F2) thực hiện cách ly y tế tại nhà ít nhất 14 ngày kể từ ngày tiếp xúc lần cuối với F1. Lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR ít nhất 02 lần vào ngày đầu và ngày cuối của giai đoạn cách ly hoặc ngay khi có triệu chứng nghi ngờ mắc bệnh.

- Đối với người cao tuổi (*trên 70 tuổi*), người có bệnh nền đang trong giai đoạn cấp tính, phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú...thuộc diện phải cách ly tập trung cần được chăm sóc y tế thì tổ chức cách ly tại cơ sở y tế; trường hợp bệnh nặng, hiểm nghèo, không tự sinh hoạt và cần hỗ trợ từ người khác, người dưới 18 tuổi (*trẻ em*) cần được chăm sóc thì thực hiện cách ly tại nhà và có người chăm sóc cách ly cùng. Các trường hợp khác thực hiện cách ly theo quy định.

- Trường hợp có các tình huống đặc biệt, phát hiện hoặc xuất hiện ổ dịch tại các địa phương, điểm giáp ranh tỉnh Ninh Bình hoặc địa phương khác có nguy cơ làm bùng phát dịch tại tỉnh Ninh Bình, Giám đốc Sở Y tế phối hợp với Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện/thành phố và các đơn vị có liên quan tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai các biện pháp phòng chống dịch kịp thời, phù hợp nhằm hạn chế tối đa việc lây lan dịch bệnh.

1.2.4. Tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19

- Thực hiện tiêm chủng miễn phí cho toàn bộ người dân trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

- Tổ chức tiêm mũi 2 cho các đối tượng đã tiêm mũi 1 trong đó ưu tiên tiêm cho người cao tuổi, bệnh lý nền, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú; tiếp tục triển khai tiêm chủng cho các nhóm đối tượng dưới 18 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Y tế để đảm bảo tất cả người dân Ninh Bình đều được tiêm vắc xin phòng Covid-19. Cập nhật thông tin về tiêm chủng trên phần mềm tiêm chủng Covid-19 theo đúng quy định.

1.2.5. Điều trị F0: thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của Bộ Y tế; hướng dẫn của UBND tỉnh tại văn bản số 367/UBND-VP6 ngày 2/7/2021 về việc tăng cường quản lý giám sát người bệnh Covid-19 và người trở về từ các ổ dịch. (*Khi có sự thay đổi UBND tỉnh sẽ có văn bản chỉ đạo sau*).

1.2.6. Hoạt động các chốt kiểm dịch

- Duy trì hoạt động của các chốt kiểm dịch liên ngành tại các cửa ngõ ra vào tỉnh (*Chốt Dốc Xây - Tam Điệp, Chốt chân Cầu non nước - TP Ninh Bình, Chốt Cầu vượt Nam Bình - TP Ninh Bình, Chốt Cầu Khuất - Gia Viễn, Chốt Cầu*

Lập Cập - Nho Quan, Chốt Ga Ninh Bình), tăng cường máy móc, thiết bị công nghệ thông tin để thực hiện khai báo y tế hoặc quét QR-Code, đối chiếu với các giấy tờ có liên quan đối với người vào tỉnh. Căn cứ vào nội dung khai báo y tế để phân loại người đến từ vùng nguy cơ.

- Với những người về từ vùng cấp độ 2 (màu vàng), cấp độ 3 (màu cam), cấp độ 4 (màu đỏ) hoặc có bất thường trong tờ khai y tế thì thông báo cho chính quyền địa phương nơi công dân đến/về biết, đồng thời thông báo cho công dân đến ngay Trạm y tế xã/phường/thị trấn địa phương để khai báo y tế, lấy mẫu xét nghiệm và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch cho phù hợp.

- Khi ghi nhận các trường hợp về từ các tỉnh/thành phố có dịch thuộc diện cách ly tập trung cần liên hệ ngay với chính quyền hoặc cơ quan y tế địa phương để chuẩn bị địa điểm cách ly và phương án di chuyển từ chốt về địa điểm cách ly đảm bảo an toàn, thực hiện nghiêm các quy định về phòng chống dịch.

1.2.7. Các hoạt động của các cơ quan, tổ chức cá nhân khác

- Khi dịch bệnh tại tỉnh Ninh Bình ở cấp độ 1: Các hoạt động sản xuất kinh doanh, vận tải, dịch vụ, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp... được phép tổ chức hoạt động theo quy định tại văn bản 246/UBND-VP6 ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh và phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch.

- Khi dịch bệnh diễn biến phức tạp (cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4): Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 tỉnh sẽ có hướng dẫn cụ thể đối với từng cấp độ dịch.

2. Nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phục hồi, phát triển sản xuất

2.1. Phục hồi sản xuất trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên

- Chủ động, quyết liệt triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh theo hướng dẫn tại Văn bản số 278/UBND-VP6 ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh và Văn bản số 246/BCĐ-VP6 ngày 22/10/2021 của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 của tỉnh về việc triển khai thực hiện các biện pháp tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Hỗ trợ, tạo điều kiện về mọi mặt để một số dự án lớn đang hoạt động phục hồi sản xuất, phát huy hết công suất thiết kế (như: Nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô công suất 80.000 xe/năm của Công ty CP sản xuất ô tô Hyundai Thành Công tại KCN Gián Khẩu, dự án Nhà máy sản xuất camera môđun và linh kiện điện tử của Công ty TNHH MCNEX VINA tại KCN Phúc Sơn), một số dự án công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp ô tô, điện tử tại các khu, cụm công nghiệp và các dự án sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, kính, gạch, ngói,... Hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ đầu tư của các dự án lớn đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhất là dự án Nhà máy HTMV số 2 (công suất 100.000 xe/năm) của Công ty cổ phần sản xuất ô tô Hyundai Thành Công tại KCN Gián Khẩu. Tăng cường đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, tạo mặt bằng thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp hỗ trợ, các dự án có nguồn thu lớn cho ngân sách.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh về phát triển và quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục triển khai các đề án thuộc Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nâng cao năng lực sản xuất, sản xuất các sản phẩm mới, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường,... Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các đề án khuyến công quốc gia và địa phương, đề án công nghiệp hỗ trợ nhằm kịp thời điều chỉnh, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn do tác động của dịch Covid. Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn, kiên quyết dừng hoạt động đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh không đảm bảo an toàn trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Có biện pháp hỗ trợ đầu vào cho quá trình sản xuất để hạ giá thành sản phẩm (như: hỗ trợ giảm giá cước vận chuyển; khuyến khích tận dụng nguyên liệu tại chỗ để chủ động nguyên liệu cho sản xuất, không bị phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu và giảm giá thành sản phẩm); hỗ trợ sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch để tăng thời gian bảo quản, giảm tổn thất, nâng cao chất lượng, giá trị và tăng tính cạnh tranh cho nông sản khi ra thị trường.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Ban hành và triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từng bước làm chủ về công nghệ, chủ động tiếp cận, xây dựng các sản phẩm và sáng tạo các dịch vụ, giải pháp, mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số tỉnh Ninh Bình. Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số và môi trường số góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu; tiếp tục triển khai mở rộng, hoàn thiện nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đáp ứng các yêu cầu kết nối 100% các hệ thống thông tin trong tỉnh và với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân và cơ quan quản lý.

2.2. Hỗ trợ tiếp cận thị trường

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm cân đối cung - cầu, gắn kết giữa sản xuất với phân phối hàng hóa, tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị. Triển

khai có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, thương mại điện tử và mở rộng thị trường tiêu thụ xuất nhập khẩu hàng hóa, trong đó chú trọng đẩy mạnh khai thác và phát triển thị trường nội địa, nâng cao sức tiêu dùng trong nước và phát triển thương hiệu Việt.

- Đẩy mạnh công tác thông tin về thị trường, phổ biến về tình hình hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là các nội dung liên quan đến các cam kết, nghĩa vụ của Việt Nam khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết, nhất là lộ trình cắt giảm thuế quan, phương pháp vượt qua các rào cản phi thuế quan...tới các cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân tại địa phương.

- Tăng cường công tác cải cách hành chính (rút ngắn thời gian thực hiện, đơn giản hóa thủ tục hồ sơ, ứng dụng các phần mềm internet...) trong công tác cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh và các địa phương lân cận.

2.3. Phục hồi đầu tư

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả, giải quyết thủ tục nhanh, gọn, nhất là các dự án lớn, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Chủ động rà soát, sửa đổi, hoàn thiện và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của tỉnh, nhất là thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, các dự án tạo nguồn thu lớn, bền vững cho ngân sách, sử dụng đất hiệu quả và bảo vệ môi trường.

- Tập trung thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo tinh thần Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ, phân đấu giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2021. Chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021; kế hoạch năm 2020 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2021. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thủ tục đầu tư để đẩy nhanh giải ngân kế hoạch vốn hoặc xử lý vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với cá nhân vi phạm và cố tình gây cản trở, gây khó khăn, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

2.3. Phát triển thị trường lao động và lực lượng lao động

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về phòng, chống dịch Covid-19 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, phục hồi và phát triển thị trường lao động. Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan chủ động nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, nhu cầu việc làm của người lao động;

trong đó, tập trung rà soát, nắm thông tin cơ bản của người lao động (*công việc đang làm; lý do thất nghiệp, thời gian thất nghiệp, công việc và nơi làm việc gần nhất trước khi thất nghiệp; Nhu cầu của người lao động về đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lao động, tìm kiếm việc làm mong muốn, ...*); ưu tiên nắm bắt thông tin của người lao động trở về địa phương từ tháng 6/2021 trở lại đây để tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu lao động.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của sàn giao dịch việc làm, góp phần kết nối cung - cầu lao động, thúc đẩy phát triển thị trường lao động; Hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác tuyển dụng. Nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tạo cơ hội thuận lợi và là cầu nối giữa người lao động và người sử dụng lao động; tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn, giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Thực hiện các giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp gắn với triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

2.4. Hỗ trợ thực hiện các chính sách thuế, bảo hiểm xã hội, tín dụng

- Chủ động triển khai các chính sách hỗ trợ tại Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuế đất trong năm 2021; Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, cho vay mới theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021, Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Các chi nhánh NHTM thực hiện nghiêm chỉ đạo của NHNN Việt Nam, NHNN tỉnh, NHTM cấp trên về cam kết đồng thuận giảm lãi suất cho vay để thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ, Quyết định số 1284/QĐ-NHNN ngày 12/8/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chi nhánh NHCSXH tỉnh tiếp tục triển khai quyết liệt việc cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn bởi đại dịch Covid-19.

- Kịp thời hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ và Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng chính phủ và thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phục hồi, phát triển du lịch

3.1. Phương án phục hồi, phát triển du lịch

3.1.1. Phương án đón khách giai đoạn cuối năm 2021

- Thời gian thực hiện: Mở cửa các khu, điểm du lịch từ ngày 15/11/2021. (đối tượng khách trong nội tỉnh: chủ yếu là người dân địa phương, người đang sinh sống và làm việc tại tỉnh Ninh Bình).

- Từ ngày 01/12/2021, lựa chọn, cho phép các công ty lữ hành có đủ điều kiện, năng lực tổ chức các chương trình du lịch an toàn, khép kín đến Ninh Bình để đánh giá mức độ an toàn du lịch trước khi mở cửa đón khách du lịch ngoài tỉnh.

3.1.2. Phương án đón khách giai đoạn 6 tháng đầu năm 2022

- Thời gian thực hiện từ 01/01/2022 đến 31/6/2022

- Đối tượng khách: Gồm cả khách trong và ngoài tỉnh đã được tiêm đủ 02 mũi vắc xin phòng Covid-19. Riêng khách tỉnh ngoài, chỉ cho phép đón khách từ các địa phương có nguy cơ thấp (xếp loại cấp độ dịch cấp 1 và cấp 2). Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về du lịch an toàn ở trong và ngoài tỉnh; tổ chức các hoạt động xúc tiến, kích cầu thu hút thị trường khách du lịch nội địa với chủ đề “*Ninh Bình - Điểm đến an toàn, chất lượng, hấp dẫn*”.

- Phương thức thực hiện: Ưu tiên thực hiện kết nối tour du lịch an toàn với các địa phương kiểm soát tốt dịch bệnh; Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp lữ hành liên kết với các khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ tổ chức các chương trình tour du lịch an toàn, khép kín. Tổ chức Tuần Du lịch Ninh Bình, lễ hội truyền thống, sự kiện văn hóa, thể thao chào mừng kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Ninh Bình; tham gia hội chợ, triển lãm du lịch; ứng dụng công nghệ để xây dựng các gian hàng quảng bá ảo trên mạng để quảng bá, thu hút khách.

3.1.3. Phương án đón khách 6 tháng cuối năm 2022

- Thời gian thực hiện: từ 01/7/2022 (Khi tỷ lệ bao phủ vắc xin được tiêm cho người dân ở các địa phương, đạt trên 90%); tình hình dịch bệnh trên thế giới được kiểm soát tốt và Chính phủ cho phép mở cửa đón khách quốc tế.

- Đối tượng khách du lịch: Khách du lịch trong nước và quốc tế, được tiêm đủ 02 mũi vắc xin phòng Covid-19, riêng đối với khách quốc tế cần phải có chứng nhận tiêm vắc xin hoặc hộ chiếu vắc xin được các nước công nhận.

- Phương thức thực hiện: Chú trọng thu hút khách trong nước, riêng khách quốc tế cần có phương án lộ trình cụ thể, thu hút thị trường khách quốc tế có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các thị trường khách đã kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai đồng bộ các biện pháp xúc tiến quảng bá kết hợp với chương trình, sản phẩm, dịch vụ du lịch an toàn; Thực hiện các biện pháp giám sát theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các quy định về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch của các doanh nghiệp và cơ sở dịch vụ du lịch cũng như của khách du lịch.

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp phục hồi, phát triển du lịch

- Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong xúc tiến, quảng bá du lịch, triển khai chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức của du khách về du lịch an toàn trong trạng thái bình thường mới; tổ chức các chương trình kích cầu, xúc tiến du lịch tỉnh Ninh Bình và tham gia hội chợ, hội nghị, hội thảo du lịch tại các thị trường du lịch trọng điểm theo định hướng.

- Phát triển đa dạng sản phẩm du lịch; triển khai xây dựng và thực hiện Đề án phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2045; khuyến khích các doanh nghiệp lĩnh hành hợp tác với các cơ sở dịch vụ, khu, điểm du lịch của tỉnh xây dựng và tổ chức các chương trình du lịch, sản phẩm dịch vụ du lịch an toàn, khép kín.

- Đảm bảo an toàn tại điểm đến, cơ sở dịch vụ du lịch và an toàn cho khách du lịch. Tổ chức các chương trình kích cầu, xúc tiến du lịch, tham gia hội chợ, hội nghị, hội thảo tại các thị trường du lịch trong nước và quốc tế; tổ chức đón các đoàn phóng viên, báo trí, doanh nghiệp lĩnh hành, lưu trú từ các thị trường trọng điểm đến khảo sát, kết nối du lịch tỉnh Ninh Bình. Tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hóa, du lịch. Tổ chức tổng kết, bế mạc Năm Du lịch Quốc gia 2021; chuẩn bị chu đáo, tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 30 năm ngày tái lập tỉnh Ninh Bình (01/4/1992-01/4/2021).

- Hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai các hoạt động phục hồi du lịch; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng mềm, chuẩn bị các phương án/kịch bản đối phó với ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh... cho lực lượng lao động du lịch; Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp du lịch theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách khác của Trung ương và của tỉnh; Xây dựng chương trình ưu đãi, gói tín dụng hỗ trợ đối với hoạt động khôi phục kinh doanh, trả lương người lao động, nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới...

4. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và ứng dụng khoa học công nghệ

- Tiếp tục tuyên truyền với hình thức phong phú, đa dạng đến cán bộ, đảng viên, quân và dân trên địa bàn tỉnh về tính nguy hiểm và tác hại nghiêm trọng của dịch Covid-19, về các quy định phòng, chống dịch. Luôn lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân, có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp phù hợp với những định hướng phát triển của tỉnh trong trạng thái bình thường mới.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng chống dịch và hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; thường xuyên cập nhật thông tin về tiêm chủng, kết quả xét nghiệm, kết quả điều trị Covid-19 trên các ứng dụng công nghệ để thuận tiện cho việc kiểm soát lao động trong tỉnh và cả các địa phương khác trong khu vực.

- Tăng cường công tác quản lý thông tin người ra/vào địa điểm công cộng, phương tiện giao thông công cộng, địa điểm kinh doanh, sự kiện đông người bằng mã QR-Code. Khuyến khích đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số cá nhân trên mọi

lĩnh vực để thực hiện các giao dịch trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng, số lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 nhằm hạn chế tối đa việc tập trung đông người.

5. Đảm bảo các hoạt động an sinh xã hội; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết 68/NQ-CP, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg; Nghị quyết 126/NQ-CP (Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 68/NQCP); Nghị quyết 116/NQ-CP, Quyết định 28/2021/QĐ-TTg; Nghị quyết 46/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Thực hiện tiêm vắc xin cho giáo viên và học sinh theo quy định; tính toán tỷ lệ tiêm bao phủ vắc xin cho giáo viên và học sinh để tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Tận dụng tối đa thời gian tổ chức dạy học trực tiếp khi dịch bệnh được 2 kiểm soát đồng thời xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện dạy học trực tuyến phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị trong trường hợp học sinh phải tạm dừng đến trường.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh phối hợp với các đơn vị xây dựng các phương án, kịch bản sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng, chống dịch Covid-19. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Cục Thống kê tỉnh và các đơn vị có liên quan thường xuyên cập nhật, rà soát đánh giá tác động, ảnh hưởng của dịch bệnh đối với các ngành, lĩnh vực, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để có giải pháp tháo gỡ khó khăn và thực hiện tốt “mục tiêu kép” trong trạng thái “bình thường mới”.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất các chính sách ưu tiên thu hút đầu tư, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh khi triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Cục Thống kê tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tổng hợp vào báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Theo dõi, tổng hợp danh sách các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh, hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

2. Sở Y tế

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành cấp tỉnh tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19” trên địa bàn tỉnh; Theo dõi, giám sát, tổng hợp báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ về chuyên môn kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch của các địa phương, đơn vị và báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh theo quy định.

- Căn cứ tình hình dịch bệnh, các tiêu chí phân loại để xác định cấp độ dịch trên toàn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh công bố chuyển đổi cấp độ dịch cấp tỉnh; thông báo công bố cấp độ dịch cấp huyện, liên huyện. Cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ xác định cấp độ dịch, công bố mức độ dịch, các biện pháp áp dụng tương ứng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tiếp tục củng cố hệ thống y tế cơ sở, kể cả y tế tuyến huyện, bố trí phương tiện trang thiết bị, ô xy, nhân lực,... để sẵn sàng đáp ứng nhanh khi tình hình dịch bệnh thay đổi và đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tổ chức hướng dẫn đối với xét nghiệm, cách ly, theo dõi y tế người đến từ vùng dịch, từ các địa phương khác trên địa bàn. Hướng dẫn quy trình thực hiện tự tổ chức xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng test nhanh kháng nguyên cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các Khu, cụm công nghiệp.

- Triển khai kịp thời kế hoạch tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho người dưới 18 tuổi và tiêm tăng cường khi có hướng dẫn và phân bổ vắc xin của Bộ Y tế.

3. Sở Tài chính: Tham mưu, đề xuất cơ chế, giải pháp đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Công thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch Covid-19 tại các nhà máy, khu, cụm công nghiệp; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh, phục hồi sản xuất.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch đảm bảo cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu của nhân dân phù hợp với từng cấp độ diễn biến dịch trên địa bàn tỉnh; đảm bảo hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng để đáp ứng yêu cầu phục hồi sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

- Thương xuyên nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, kịp thời tham mưu các giải pháp tháo gỡ, đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh thông suốt, tránh đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng, tiêu thụ hàng hóa. Quan tâm hỗ trợ, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh chương trình xúc tiến thương mại, tiêu thụ hàng hóa trong nước và xuất khẩu; ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử kết hợp phương thức phân phối hiện đại - thương mại điện tử - phân phối truyền thống cho hoạt động kết nối cung cầu, đảm bảo lưu thông hàng hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất thích ứng an toàn, linh hoạt, hiệu quả cao; tăng cường hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, nông sản đến kỳ thu hoạch.

6. Sở Du lịch: Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 29/10/2021 về phục hồi và phát triển du lịch những tháng cuối năm 2021 và năm 2022; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn số 3862/HD-BVHTTDL ngày 18/10/2021 của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

7. Sở Giao thông Vận tải: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, quy định tạm thời của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn, tổ chức hoạt động vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không; vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, giao thông liên tỉnh, nội tỉnh phù hợp với điều kiện phòng, chống dịch bệnh đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương để đảm bảo kiến thức cho học sinh đồng thời hoàn thành kế hoạch năm học đúng tiến độ.

- Phối hợp với Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố tổ chức tiêm Vắc xin cho học sinh trong độ tuổi theo quy định.

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì, tham mưu đề xuất các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ trẻ em, người lao động; kết nối, hỗ trợ người lao động tìm việc làm; chỉ đạo bảo đảm an toàn phòng, chống dịch trong hoạt động dạy nghề.

10. Sở Thông tin và Truyền thông: Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống dịch; tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu các nhân công dân. Tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức phòng, chống dịch Covid-19.

11. Sở Nội vụ

- Chỉ đạo Ban Tôn giáo hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng đảm bảo phòng chống dịch Covid-19 và các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng từ Sở Kế hoạch và Đầu tư và trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh theo quy định.

12. Công an tỉnh

- Tổ chức các lực lượng, phương tiện, biện pháp bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; nhất là tại các cơ sở, địa bàn, khu vực cách ly y tế, khu vực điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19; tăng cường phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi chống lại lực lượng chức năng thực thi nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời phối hợp với Sở Y tế, chính quyền địa phương các cấp tổ chức triển khai công tác rà soát, truy vết, khoanh vùng, xử lý đối với các trường hợp nghi nhiễm hoặc có yếu tố dịch tễ. Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19.

13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Căn cứ diễn biến tình hình dịch bệnh tham mưu UBND tỉnh thiết lập khu cách ly tập trung tuyến tỉnh; chủ động điều phối sử dụng các khu cách ly tập trung phù hợp với từng cấp độ dịch. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức tiếp nhận và cách ly công dân bảo đảm chặt chẽ, an toàn.

- Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 và trợ giúp nhân dân.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chủ động tổ chức đánh giá, nhận định các vùng nguy cơ để xây dựng các phương án, kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả với dịch Covid-19 và phục hồi phát triển kinh tế trên địa bàn theo điều kiện thực tế. Căn cứ tình hình dịch trên địa bàn thông báo công bố cấp độ dịch cấp xã, liên xã và dưới cấp xã.

- Duy trì chế độ ứng trực thường xuyên, hoạt động của các Tổ Covid-19 công đồng để rà soát, quản lý, giám sát việc di chuyển động của người dân trên địa bàn. Chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành đảm bảo xử lý nhanh, kịp thời kiểm soát dịch bệnh trong mọi tình huống trên địa bàn; tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, kiểm soát lây nhiễm Covid-19.

- Chuẩn bị tốt các khu cách ly tập trung tuyến huyện, xã, sẵn sàng tiếp nhận và cách ly tập trung công dân của địa phương về từ nước ngoài và các vùng dịch trong cả nước.

Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố khẩn trương, nghiêm túc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; căn cứ tình hình thực tiễn, các văn bản hướng dẫn của cấp trên, xây dựng Kế hoạch “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và phục hồi, phát triển kinh tế những tháng cuối năm 2021, năm 2022 và các năm tiếp theo” của đơn vị, địa phương mình để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, VP5, các VP;

NN_VP5_KHUB

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Ngọc



BIỂU XÂY DỰNG KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG NĂM 2021 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO
(Kèm theo Kế hoạch số 190 /KH-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Kịch bản tăng trưởng những năm tiếp theo			
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4		5	6	7	8
I	Lĩnh vực Nông nghiệp							
1	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	452 320	461 134	453 650	450 550	450 800	451 050
	<i>Trong đó:</i> Sản lượng thóc	Tấn	433 600	443 041	435 400	426 650	420 600	417 250
2	GTSX bình quân/ha đất nông nghiệp (<i>Giá hiện hành</i>)	Tr.đồng	140	143	148	153	158	163
3	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh							
	Sử dụng nước hợp vệ sinh ở khu vực nông thôn	%	95,5	96	95,5	97	97,5	98
4	Xây dựng nông thôn mới							
	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện	1	1	2	1	0	0
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	11	11	2	0	0	0
	Số xã nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	2	2	3	3	3	4
	Số xã nông thôn mới nâng cao	Xã	15	17	12	3	11	10
5	Các chỉ tiêu sản xuất							
a	Ngành nông nghiệp							
	<i>Trồng trọt:</i>							
	Tổng diện tích gieo trồng	Ha	97 000	93 900	93 000	92 000	91 000	90 000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Kịch bản tăng trưởng những năm tiếp theo			
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4		5	6	7	8
	* (Diện tích gieo trồng vụ đông)	Ha	8 000	8 700	8 000	8 000	8 000	8 000
-	Trong đó : Lúa cả năm	Ha	72 000	71 757	71 000	69 500	68 500	68 000
	+ Chiêm xuân: Diện tích	Ha	40 000	39 933	40 000	39 500	39 000	38 500
	Sản lượng	Tấn	264 000	266 773	268 000	264 650	261 300	257 950
	+ Lúa mùa: Diện tích	Ha	32 000	31 825	31 000	30 000	29 500	29 500
	Sản lượng	Tấn	169 600	172 490	167 400	162 000	159 300	159 300
-	Cây ngô: Diện tích	Ha	5 200	4 815	5 000	5 000	5 000	5 000
	Sản lượng	Tấn	18 720	18 093	18 250	18 500	18 750	19 000
-	Cây khoai lang: Diện tích	Ha	1 400	669	810	810	810	800
	Sản lượng	Tấn	12 950	6 639	7 533	7 614	7 655	7 600
-	Diện tích cây rau đậu các loại	Ha	10 000	9 415	10 500	10 700	10 800	10 900
-	Diện tích cây công nghiệp hàng năm							
	+ Cây đỗ tương: Diện tích	Ha	235	428	500	500	500	500
	Sản lượng	Tấn	330	700	750	750	750	750
	+ Lạc : Diện tích	Ha	3 000	2 652	3 000	3 000	2 900	2 800
	Sản lượng	Tấn	7 800	7 571	8 040	8 100	7 975	7 840
	+ Cây Mía Diện tích	Ha	680	495	800	700	600	500
	Sản lượng	Tấn	44 410	32 403	51 600	45 500	39 300	33 000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Kịch bản tăng trưởng những năm tiếp theo			
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4		5	6	7	8
-	Diện tích cây công nghiệp lâu năm:							
	+ Cây chè: Diện tích	Ha	180	206	230	230	230	230
	Sản lượng	Tấn	1 350	832	1 886	1 955	1 955	2 001
-	Cây ăn quả lâu năm:				6.800,00	6.800,00	6.900,00	7.000,00
	+ Cây dứa Diện tích	Ha	3 200	3 268	3 400	3 400	3 500	3 500
	Sản lượng	Tấn	57 000	60 000	70 800	74 800	77 000	78 750
-	Diện tích các loại cây trồng khác	Ha	4 040	4 200				
	Chăn nuôi							
-	Tổng đàn trâu, bò	con	50 000	49 534	50 002	50 307	50 615	51 000
	Trong đó: đàn bò	con	37 000	36 832	37 302	37 607	37 915	38 000
-	Tổng đàn lợn (không kể lợn sữa)	con	270 000	274 500	276 000	282 000	288 000	300 000
-	Tổng đàn gia cầm	1000 con	5 700	6 489	6 000	6 000	6 000	6 000
-	Tổng đàn dê	con	23 000	23 100	23 250	23 500	23 750	24 000
	Sản phẩm chăn nuôi chính							
-	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (bao gồm cả gia cầm)	Tấn	50 000	55 390	54 340	54 813	55 256	55 850
	Trong đó: Thịt lợn hơi	Tấn	37 000	39 200	38 900	39 250	39 625	40 000
-	Sản lượng trứng	Triệu quả	145	157	146	148	149	150

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Kịch bản tăng trưởng những năm tiếp theo			
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4		5	6	7	8
b	Ngành lâm nghiệp							
-	Trồng rừng tập trung	Ha	410	461	545	335	335	335
-	Bảo vệ rừng	Ha	16 061	16 005	16 061	16 061	16 061	16 061
-	Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	7,0 8	7,0 8	7,0 8	7,0 8	7,0 8	7,0 8
-	Chăm sóc rừng trồng	Ha	940	940	873	943	948	900
-	Trồng cây phân tán	1000 cây	590	821	1 199	1 181	1 190	1 185
c	Ngành thủy sản							
-	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	14 775	14 771	14 910	15 790	15 840	15 940
	+ Nuôi nước ngọt	Ha	11 275	10 870	11 000	11 100	11 150	11 250
	Riêng diện tích nuôi thủy sản ruộng trũng	Ha	6 152	5 454	5 550	5 600	5 650	5 700
	+ Nuôi nước mặn, lợ	Ha	3 500	3 901	3 910	4 300	4 300	4 300
-	Sản lượng thủy hải sản	Tấn	64 325	62 700	68 600	72 970	77 738	80 950
	+ Nuôi trồng	Tấn	57 175	55 500	61 950	66 370	71 188	74 450
	+ Khai thác	Tấn	7 150	7 200	6 650	6 600	6 550	6 500
II	Lĩnh vực công nghiệp							
	Sản phẩm chủ yếu							
	Trong đó:							
-	Đá khai thác	Nghìn m3	2 900	4 305	4 200	4 300	4 400	4 500

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Kịch bản tăng trưởng những năm tiếp theo			
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4		5	6	7	8
-	Thép cán xây dựng	nghìn tấn	300	290,00	300,00	310,00	315,00	325,00
-	Phân lân nung chảy+NPK	nghìn tấn	250	270,00	270,00	290,00	300,00	300,00
-	Đạm	nghìn tấn	307	476,00	430,00	470,00	510,00	550,00
-	Xi măng, Clinker	Nghìn tấn	12 500	10 767,70	12 500	12 500	12 500	12 500
-	Sản phẩm may mặc	Nghìn SP	90 000	110 700	115 000	117 000	120 000	125 000
-	Lắp ráp ô tô	Chiếc	77 000	75 814	90 738	110 000	130 000	150 000
-	Kính nổi	Nghìn tấn	480	471,20	480	490	500	500
-	Giày, dép vải	Nghìn SP	42 000	58 900	59 700	62 000	63 500	64 500
-	Camera modul	Triệu SP	186	266,30	234	248	253	258
-	Linh kiện điện tử	Triệu SP	270	135	200	290	320	350
-	Lắp ráp cần gạt nước	Nghìn SP	15 000	14 750	15 000	15 500	16 000	16 750
-	Thanh phôi nhôm hợp kim	Nghìn tấn	33	67,10	67,20	70,00	73,00	76,00
III	Lĩnh vực XNK, thương mại, du lịch							
1	Kim ngạch Xuất khẩu	Nghìn USD	2 400 000	2 700 000	2 800 000	2 900 000	3 000 000	3 200 000
	Trong đó:							
-	Hàng thô	Nghìn USD	1 400	1 427,70	1 500,00	1 550,00	1 600,00	1 650,00
-	Sản phẩm may mặc	Nghìn USD	263 200	384 108,30	380 000,00	390 000,00	400 000,00	410 000,00
-	Sản phẩm cói	Nghìn USD	2 900	4 797,50	4 300,00	4 500,00	4 700,00	5 000,00

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Kịch bản tăng trưởng những năm tiếp theo			
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	3	4		5	6	7	8
-	Sản phẩm dứa, dưa chuột và rau quả chế biến	Nghìn USD	32 300	24 554,00	27 000,00	30 000,00	31 000,00	33 000,00
-	Giày dép	Nghìn USD	429 000	659 214,50	663 000,00	670 000,00	690 000,00	700 000,00
-	Linh kiện ô tô	Nghìn USD	32 200	59 436,50	63 000,00	72 000,00	73 400,00	76 000,00
-	Camera modun và linh kiện điện thoại	Nghìn USD	1 100 000	761 653,30	920 000	960 000	1 000 000	1 170 000
-	Linh kiện điện tử	Nghìn USD	71 900	73 162,10	72 400,00	74 000,00	75 000,00	77 000,00
-	Tai nghe và phụ kiện	Nghìn USD	3 000	945,00	900,00	1 500,00	1 700,00	2 000,00
-	Nhôm, đồng	Nghìn USD	42 000	71 078,60	69 000,00	70 000,00	71 000,00	73 000,00
-	Vôi, Đolômit	Nghìn USD	5 000	5 110,20	4 500,00	5 500,00	6 000,00	7 000,00
-	Sợi	Nghìn USD	16 000	29 278,20	27 000,00	31 000,00	33 000,00	37 000,00
-	Xi măng + clanke	Nghìn USD	358 200	533 222,00	500 000,00	520 000,00	525 000,00	530 000,00
-	Túi nhựa và các sản phẩm từ nhựa	Nghìn USD	9 000	10 206,00	12 000,00	13 000,00	15 000,00	18 000,00
-	Đồ chơi trẻ em	Nghìn USD	20 000	20 354,00	21 000,00	20 500,00	21 000,00	22 000,00
-	Trang sức mỹ ký	Nghìn USD	3 600	2 271,00	2 000,00	2 100,00	2 200,00	2 400,00
-	Mặt hàng khác	Nghìn USD	20 800	59 181,10	32 400,00	34 350,00	49 400,00	35 950,00
2	Kim ngạch nhập khẩu	Nghìn USD	3 100 000	2 900 000	3 100 000	3 250 000	3 400 000	3 500 000
	Trong đó:							
-	Vải may mặc và phụ liệu	Nghìn USD	225 000	149 571,20	210 000,00	225 000,00	245 000,00	260 000,00
-	Phụ liệu giày dép	Nghìn USD	330 000	344 924,00	380 000,00	405 000,00	440 000,00	455 000,00

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Kịch bản tăng trưởng những năm tiếp theo			
					Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>		<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
-	Máy móc, thiết bị, phụ tùng khác	Nghìn USD	150 000	74 533,30	100 000,00	115 000,00	140 000,00	150 000,00
-	Linh kiện ô tô	Nghìn USD	1 300 000	1 040 417,30	1 200 000	1 225 000	1 255 000	1 285 000
-	Linh kiện điện tử	Nghìn USD	915 000	795 882,90	850 000,00	885 000,00	940 000,00	1 000 000
3	Tổng số khách du lịch	Nghìn lượt	7 000	1 325	2 500	5 000	7 000	7 200
4	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng	3 500	935	1 765	3 000	5 000	7 250